

Số: 12/2023/QĐST-DS

Quốc Oai, ngày 15 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 92/2022/TLST-DS ngày 14/12/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương T (VBANK);

Trụ sở chính: Trần H, phường , TP S, tỉnh S.

Giấy CNĐKKD: Số 2200269805 do sở KH&ĐT tỉnh S cấp ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/5/2022;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Nhất N -Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương T;

Đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông: Nguyễn Hữu T -*Theo giấy ủy quyền số:01/2021/GUQ-VB ngày 18/10/2021.*

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng Minh T; Địa chỉ: Tầng , số Bà T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội -*Theo giấy ủy quyền số 84/2022/GUQ&PLTT ngày 24/10/2022.*

Người bị kiện: Ông Phạm Văn P, sinh năm: 1960 và **bà Tạ Thị L**, sinh năm: 1963 (vợ ông P); **anh Phạm Văn M**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Xóm Bảo T, tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà

Nội

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Chu Thị H, sinh năm 1990 (vợ anh M); con anh M, chị H là: Phạm Nguyên K, sinh năm 2014 và cháu Phạm Quỳnh L, sinh năm 2017.

Cùng địa chỉ: Xóm Bảo T, tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Ông P, bà L, chị H vắng mặt có ủy quyền ngày 07/3/2023 cho anh M, anh M đại diện cho các con chưa thành niên.

Đại diện nguyên đơn và bị đơn; đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận cụ thể như sau:

1-Ông Phạm Văn Ph, bà Tạ Thị L và anh Phạm Văn M có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng TMCP Việt Nam thương T số nợ theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: PTĐN.CN.01291211 ngày 29/12/2011, tạm tính đến đến ngày 07/3/2023 tổng số tiền là: **544.209.271** (*năm trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm linh chín nghìn hai trăm bảy mươi một đồng*) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 139.919.821 đồng; Lãi trong hạn: 17.363.047 đồng; Lãi quá hạn: 343.334.243 đồng; Phạt: 43.592.160 đồng.

Kể từ ngày 08/3/2023 ông Phạm Văn P, bà Tạ Thị L và anh Phạm Văn M còn phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phạt phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng V theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.”.

Sau khi gia đình ông Phiu trả nợ xong ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương T phải giải chấp trả gia đình ông Phiu Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 362068, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01269 do UBND huyện Q cấp cho ông Phạm Văn P ngày 04/10/2006.

2- Về xử lý tài sản: Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Phạm Văn P, bà Tạ Thị L và anh Phạm Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 425, tờ bản đồ số 01, diện tích: 159 m² tại Tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Tây cũ (nay là TP. Hà Nội) theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 362068, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01269 do UBND huyện Q cấp cho ông Phạm Văn P ngày 04/10/2006. Được công chứng tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội, số công chứng: 1032111, quyền số: 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày

28/12/2011, đăng ký giao dịch có bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q, Thành phố Hà Nội ngày 28/12/2011.

5. Về án phí: Bị đơn ông Phạm Văn Ph, bà Tạ Thị L và anh Phạm Văn M phải chịu: 12.884.180 đồng. Gia đình ông Ph có đơn xin miễn giảm án phí và có xác nhận của UBND thị trấn Q ngày 02/03/2023 là gia đình rất khó khăn về kinh tế. Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn $\frac{1}{2}$ án phí cho ông P, bà L và anh M. Ông P, bà L và anh M còn phải nộp 6.442.090 đồng, làm tròn là 6.442.000 (*sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) theo biên lai thu số: 0000469 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành